

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 08/01/2024 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông báo số 426/TB-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 17/4/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế (mã số 8310110).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024 (Khóa 21) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để th);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Đinh Hồng Linh

**CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về ngành đào tạo

STT	Tiêu đề	Nội dung
1.	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	QUẢN LÝ KINH TẾ
2.	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	ECONOMIC MANAGEMENT
3.	Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4.	Ngành đào tạo	Quản lý kinh tế
5.	Mã ngành	8310110
6.	Định hướng đào tạo	Định hướng ứng dụng
7.	Đối tượng tuyển sinh	Đối tượng tuyển sinh theo quy định tại Điều 6 Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.
8.	Thời gian đào tạo chuẩn	2 năm
9.	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	60 tín chỉ
10.	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Quản lý – Luật kinh tế
11.	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt
12.	Website	https://tueba.edu.vn/ http://qlkt.tueba.edu.vn/
13.	Thang điểm	Thang điểm 10
14.	Điều kiện tốt nghiệp	Điều kiện tốt nghiệp theo điều 12 Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT: Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu:

STT	Tiêu đề	Nội dung
		b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài; c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.
15.	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản lý kinh tế Tiếng Anh: Master of Economic Management
16.	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp, thạc sĩ ngành QLKT, có đủ năng lực làm chuyên viên tư vấn, hoạch định chiến lược, chính sách phát triển kinh tế; làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế từ trung ương đến địa phương và các doanh nghiệp; Thạc sĩ ngành QLKT đảm đương tốt công việc nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực quản lý kinh tế tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, các tổ chức khoa học – công nghệ.
17.	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo tiến sĩ QLKT hoặc các chương trình đào tạo sau đại học khác tương đương.
18.	Chương trình đào tạo đối sánh	Quản lý kinh tế - Trường ĐH Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội; Quản lý kinh tế - Trường ĐH Ngoại Thương

STT	Tiêu đề	Nội dung
19.	Thông tin kiểm định chương trình đào tạo	
20.	Thời điểm cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Tháng 4/2024

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo chương trình thạc sĩ Quản lý kinh tế nhằm trang bị cho học viên kiến thức tổng quát và chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế và quản lý, ứng dụng cho quản lý kinh tế ở tầm vi mô và vĩ mô, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Phân tích kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế và quản lý để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương và tổ chức;

PO2. Kỹ năng trong lĩnh vực kinh tế và quản lý nhằm giúp cho người học có thể nghiên cứu độc lập, phản biện, tổng hợp và đánh giá để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế;

PO3. Khả năng đưa ra các sáng kiến và giải pháp, dẫn dắt nhóm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn; năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ và tinh thần trách nhiệm nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	Đánh giá các nguyên lý, học thuyết cơ bản liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế trong môi trường biến động	
<i>P11.1</i>	<i>Triển khai được các quy luật trong lĩnh vực kinh tế - chính trị - xã hội vào quá trình nghiên cứu cũng như công việc chuyên môn, nghề nghiệp và cuộc sống.</i>	4
<i>P11.2</i>	<i>Chỉ ra các phương pháp khoa học ứng dụng trong ra quyết định quản lý tổ chức, quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội.</i>	4

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PLO2	Thử nghiệm các kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế vào thực tiễn	
<i>PI2.1</i>	<i>Giải thích kiến thức liên ngành trong lĩnh vực quản lý kinh tế để hoạch định và thực thi các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương và tổ chức.</i>	4
<i>PI2.2</i>	<i>Chỉ ra kiến thức về kinh tế, quản lý chuyên sâu áp dụng vào phân tích quyết định quản lý tổ chức, quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội.</i>	4
PLO3	Tổng hợp các kiến thức liên ngành liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế	
<i>PI3.1</i>	<i>Suy đoán các vấn đề quản lý kinh tế ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương và tổ chức.</i>	4
<i>PI3.2</i>	<i>Xây dựng các giải pháp để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kinh tế và quản lý</i>	4
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO4	Tuân thủ quy trình quản lý kinh tế ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương và tổ chức	4
<i>PI4.1</i>	<i>Triển khai lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc trong tổ chức.</i>	4
<i>PI4.2</i>	<i>Xây dựng các giải pháp giúp tổ chức thích ứng với môi trường biến động.</i>	4
PLO5	Nghiên cứu độc lập các vấn đề quản lý kinh tế ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương và tổ chức	
<i>PI5.1</i>	<i>Nghiên cứu các vấn đề của quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc trong tổ chức.</i>	4
<i>PI5.2</i>	<i>Áp dụng vào Tổ chức, quản lý các hoạt động nghề nghiệp chuyên nghiệp và hiện đại.</i>	4

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PLO6	Truyền đạt tri thức chuyên sâu về quản lý kinh tế cho người khác	
PI6.1	Truyền đạt tri thức mới dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề quản lý kinh tế	4
PI6.2	Tạo dựng các mối quan hệ tốt đẹp ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương và tổ chức	4
	Chuẩn đầu ra về Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO7	Cam kết thực hiện các quy định pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý kinh tế	
PI7.1	Thấu hiểu pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý kinh tế	4
PI7.2	Thừa nhận chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý kinh tế	4
PLO8	Dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương và tổ chức.	
PI8.1	Nhận định các ý kiến về chuyên môn trong lĩnh vực quản lý kinh tế	4
PI8.2	Lựa chọn điểm mấu chốt để xử lý những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương và tổ chức.	4
PLO9	Bảo vệ các quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên sâu về quản lý kinh tế	
PI9.1	Đề xuất, lập luận và chịu trách nhiệm với các sáng kiến trong thực tiễn quản lý kinh tế.	4
PI9.2	Lựa chọn hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc cạnh tranh, phù hợp với thực tiễn quản lý kinh tế.	4

IV. Khung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy

TT	Học phần	Mã học phần	Số TC	Số tiết		Đáp ứng CĐR	Năm	
				LT	TH		1	2
I	Khối Kiến thức cơ bản		12					
1.1	Học phần bắt buộc		6					
1 ✓	Triết học	PHI 631	3	36	18	PLO1(PI1.1), PLO9(PI9.1)	X	
2 ✓	Phương pháp NCKH	SRM 631	3	36	18	PLO1(PI1.2), PLO3(PI3.2)	X	
1.2	Học phần tự chọn (Chọn 02 trong số 04 học phần)		6					
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE 631	3	36	18	PLO1(PI1.1), PLO9(PI9.2)	X	
4 ✓	Luật Kinh tế	ECL 631	3	36	18	PLO1(PI1.2), PLO9(PI9.2), PLO7 (PI7.1)	X	
5	Toán kinh tế	MAE 631	3	36	18	PLO1(PI1.2), PLO9(PI9.2)	X	
✓ 6	Kế toán quản trị nâng cao	AMA 631	3	36	18	PLO2(PI2.2), PLO4(PI4.1)	X	
II	Khối kiến thức ngành		18					
2.1	Học phần bắt buộc		9					
✓ 7	Kinh tế học nâng cao	AEC 631	3	36	18	PLO3(PI3.1), PLO6(PI6.2)	X	
8 ✓	Quản trị học nâng cao	MAN 631	3	36	18	PLO2(PI2.1), PLO5(PI5.1)	X	
9 ✓	Quản lý kinh tế	EMA 631	3	36	18	PLO2(PI2.2), PLO5(PI5.2), PLO8(PI8.1)	X	
2.2	Học phần tự chọn (Chọn 03 trong số 06 học phần)		9					
✓ 10	Quản lý nhà nước về kinh tế	SME 631	3	36	18	PLO2(PI2.1), PO6(PI6.1), PLO7((PI7.2)	X	
✓ 11	Dự báo phát triển KTXH	SDF 631	3	36	18	PLO2(PI2.1), PLO4(PI4.2), PLO7((PI7.2) PLO8(PI8.2)	X	

TT	Học phần	Mã học phần	Số TC	Số tiết		Đáp ứng CĐR	Năm	
				LT	TH		1	2
12 ✓	Lãnh đạo học	SCL 631	3	36	18	PLO3(PI3.2), PLO6(PI6.1), PLO7((PI7.2)	X	
13	Marketing địa phương ✓	MAL 631	3	36	18	PLO2(PI2.1), PLO6(PI6.2), PLO7((PI7.2)	X	
✓ 14	Kinh tế công cộng nâng cao	PEA 631	3	36	18	PLO2(PI2.1), PLO5(5.2), PLO7((PI7.2)	X	
✓ 15	Kinh tế lượng ứng dụng	APE 631	3	36	18	PLO1(PI1.2), PLO5(PI5.1), PLO7((PI7.2)	X	
III	Khối kiến thức chuyên ngành		15					
3.1	Học phần bắt buộc		6					
✓ 14	Quản lý công	MOP 631	3	36	18	PLO3(PI3.1), PLO6(PI6.1), PLO8(PI8.2)		X
✓ 15	Quản lý phát triển địa phương	MLD 631	3	36	18	PLO3(PI3.1), PLO5(PI5.2), PLO9(PI9.1)		X
3.2	Học phần tự chọn (Chọn 03 trong số 06 học phần)		9					
✓ 16	Phân tích chính sách kinh tế	EPA 631	3	36	18	PLO3(PI3.2), PLO5(PI5.2), PLO8(PI8.2)		X
✓ 17	Tài chính phát triển	DEF 631	3	36	18	PLO3(PI3.2), PLO5(PI5.2), PLO8(PI8.2)		X
✓ 18	Quản lý dự án	PRM 631	3	36	18	PLO3(PI3.2), PLO5(PI5.2), PLO8(PI8.2)		X
✓ 19	Quản lý rủi ro và khủng hoảng	RMC 631	3	36	18	PLO3(PI3.2), PLO5(PI5.2), PLO8(PI8.2)		X

TT	Học phần	Mã học phần	Số TC	Số tiết		Đáp ứng CĐR	Năm	
				LT	TH		1	2
20 [✓]	Tâm lý học quản lý kinh tế	EMP 631	3	36	18	PLO3(PI3.2), PLO5(PI5.2), PLO8(PI8.2)		X
21	Đạo đức kinh doanh và văn hóa tổ chức	ORC 631	3	36	18	PLO3(PI3.2), PLO5(PI5.2), PLO8(PI8.2)		X
3.3	Thực tế, thực tập, đề án tốt nghiệp		15					
22 [✓]	Chuyên đề thực tế 1	EMA 431	3	18	36	PLO3(PI3.1), PLO6(PI6.1), PLO9(PI9.1)	X	
23 [✓]	Chuyên đề thực tế 2	EMA 432	3	18	36	PLO3(PI3.2), PLO6 (PI6.2), PLO9(PI9.2)		X
24	Đề án tốt nghiệp	EMA 907	9	54	108	PLO2 (PI2.2) PLO3(PI3.2), PLO6(PI6.1), PLO9(PI9.1)		X
Tổng tín chỉ toàn khóa			60					

